TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HĐ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/02/2023
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HĐ - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Dũng.

2/ Bà Đinh Thị Phương Lan.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HĐ.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ tham gia phiên tòa***: Bà Trần Phương Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 360/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Triệu Thị Đ**, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn GM, xã HT, huyện KX, tỉnh Thái Bình.

- *Bị đơn:* Anh **Đỗ Kim H,** sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 12, ấp BTh, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Triệu Thị Đ trình bày như sau:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Triệu Thị Đ và anh Đỗ Kim H đi đến hôn nhân là do hai người tự tìm hiểu và yêu thương nhau; anh chị có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/12/2001. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc nhưng chỉ được vài tháng thì chị và anh H phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do anh H không lo làm ăn, bỏ bê gia đình và còn đánh đập chị khi hai người cãi nhau. Vì vậy, chị Đ đã bỏ về nhà mẹ ruột tại thôn GM, xã HT huyện KX, tỉnh TB sinh sống; từ đó chị và anh H đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H là không thể hàn gắn được nữa nên chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Kim H.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống với nhau giữa chị và anh H có 01 người con chung tên Đỗ Ngọc T sinh năm 2002, hiện cháu T đã thành niên. Vì vậy, khi ly hôn chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị Đ khai rằng quá trình chung sống chị và anh H không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Bị đơn anh Đỗ Kim H:* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh H đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật

tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Tuy nhiên, phía bị đơn anh Đỗ Kim H đã vi phạm Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Triệu Thị Đ được ly hôn với anh Đỗ Kim H;

+ Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Triệu Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn chị Triệu Thị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Kim H, xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, mà bị đơn anh Đỗ Kim có nơi cư trú tại ấp BT, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Triệu Thị Đ có đơn xin xét xử vắng; Bị đơn anh Đỗ Kim H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Chị Triệu Thị Đ và anh Đỗ Kim H xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2001

trên cơ sở tự nguyện, anh chị có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 04/12/2001. Như vậy, hôn nhân giữa chị Đ và anh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Đ về việc xin ly hôn với anh H; Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình chung sống với nhau, giữa chị Đ và anh H có phát sinh mâu thuẫn mà theo chị Đ trình bày mâu thuẫn chủ yếu giữa chị và anh H là do anh H không lo làm ăn, bỏ bê gia đình và còn đánh đập chị khi hai người cự cãi nhau; chị Đ và anh H cũng đã sống ly thân với nhau mười mấy năm nay. Trong thời gian anh chị sống ly thân, chị Đ và anh H không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án; chị Đ cương quyết ly hôn với anh H vì chị cho rằng chị và anh H ly thân đã lâu và không còn tình cảm nên không thể hàn gắn được nữa; đồng thời Tòa án cũng tống đạt các văn bản tố tụng cho anh H nhiều lần nhưng anh H vẫn vắng mặt; hơn nữa theo lời trình bày của bà Hoàng Thị Kh là mẹ ruột của anh H cho biết, giữa anh H và chị Đ có một người con chung là Đỗ Ngọc T, sinh năm 2002; anh chị cũng không có tài sản chung và nợ chung, chị Đ và anh H sống ly thân đã nhiều năm, không còn liên lạc với nhau. Việc chị Đ xin ly hôn với anh H tại Tòa án thì anh H đã biết nhưng vì công việc đi lại khó khăn nên anh H, nên anh H vắng mặt.

Điều này chứng tỏ anh H cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Đ, quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh H đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh H là có cơ sở.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Triệu Thị Đ được ly hôn với anh Đỗ Kim H.

[3.2] *Về quan hệ con chung:* Chị Đ khai rằng giữa chị và anh H có 01 người con chung tên Đỗ Ngọc T, sinh năm 2002, hiện cháu T đã thành niên nên khi ly hôn chị Đào không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị Đ khẳng định giữa chị và anh H không tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ tại phiên tòa là có cơ sở được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[5] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Triệu Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Đ được ly hôn với anh Đỗ Kim H.

2/ Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xét.

3/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Triệu Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0008165, ngày 20/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Đ không phải nộp thêm, anh H không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

4/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Hùng thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện HĐ;
- THA huyện HĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký và đóng dấu)

Trịnh Thị Hồng Điệp